

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ 3 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh (%)	
			Quý 3	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	<u>TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ</u>	191.180.500	41.333.404	100.064.760	52,3	
A	CHI CÂN ĐỐI NSCX	191.180.500	40.608.506	99.339.862	52,0	
I	Chi đầu tư phát triển	54.748.000	9.384.885	12.519.964	22,9	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	54.748.000	9.384.885	12.519.964	22,9	
-	Chi quốc phòng					
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội					
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.000.000	3.664.623	4.260.550	42,6	
-	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
-	Chi y tế, dân số và gia đình					
-	Chi văn hóa thông tin					
-	Chi phát thanh, truyền hình					
-	Chi thể dục, thể thao					
-	Chi bảo vệ môi trường					
-	Chi các hoạt động kinh tế	42.748.000	4.905.092	7.054.944	16,5	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	2.000.000	815.170	1.204.470	60,2	
-	Chi bảo đảm xã hội					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi thường xuyên	132.302.500	30.703.156	85.666.119	64,8	
1	Chi quốc phòng	1.737.000	70.637	1.538.202	88,6	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	370.000	88.245	158.236	42,8	
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	63.935.000	15.065.391	39.497.727	61,8	
4	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	150.000	93.414	93.414	62,3	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	5.001.000	1.604.099	4.794.035	95,9	
6	Chi văn hóa thông tin	290.000	91.570	110.770	38,2	
7	Chi phát thanh, truyền hình	90.000			0,0	
8	Chi thể dục, thể thao	60.000		5.000	8,3	
9	Chi bảo vệ môi trường	1.000.000	100.031	241.220	24,1	
10	Chi các hoạt động kinh tế	6.724.324	1.758.130	2.114.711	31,4	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	21.607.176	4.799.603	15.471.121	71,6	
12	Chi bảo đảm xã hội	31.338.000	7.032.036	21.641.683	69,1	
IV	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.294.000	177.794	277.779	12,1	
V	Chi cải cách tiền lương, tính giãn biên chế					
VI	Các nhiệm vụ chi khác	1.836.000	342.671	876.000	47,7	

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh (%)	
			Quý 3	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NSCX					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					
-	Chi đầu tư					
-	Chi thường xuyên					